

Đôi điều về KINH KALAMAS

MINH CHI^(*)

Nhà nghiên cứu Phật học Minh Chi đã về cõi vĩnh hằng. Ông là một trong số cộng tác viên nhiệt tình của Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo ngay từ những số đầu tiên. Để bày tỏ lòng tiếc thương với một học giả suốt đời gắn bó với Phật học, chúng tôi xin trân trọng đăng bài viết cuối cùng ông gửi tới toà soạn. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo xin vĩnh biệt ông và chia buồn sâu sắc cùng gia quyến (BBT).

Nhà đại văn hào Nga Lép Tôlxtoi nói rằng: “Những chân lí sâu sắc nhất đồng thời cũng là giản dị nhất”. Nét đặc sắc khiến các bài thuyết pháp của Đức Phật Thích Ca có sức thuyết phục và hấp dẫn lớn, không phải chỉ là ở tính logic chặt chẽ của lập luận, mà còn ở những chân lí sâu sắc mà giản dị, được trình bày dưới hình thức gọn nhẹ, hình ảnh, và nhiều khi còn dí dỏm nữa.

Chúng ta có thể thấy dễ dàng nét đặc sắc đó trong bài “Thuyết pháp cho người Kalamas” thường được gọi tắt là Kinh Kalamas (Kalamas Sutta), mà chúng tôi giới thiệu những đoạn kinh chủ yếu sau đây. Một số học giả phương Tây, khi dẫn chứng Kinh này, nói rằng đó là những lời nói có một không hai của một vị giáo chủ!

Chúng ta có thể đọc Kinh này trong Tăng Chi Bộ Kinh, tập I (tr. 212, bản dịch của Hoà thượng Thích Minh Châu, Đại Tạng Kinh Việt Nam). Nhưng đầu đề trong bản dịch của Hoà thượng Thích Minh Châu “Các vị ở Kesaputta”, có khác với đầu đề quen thuộc của các bản dịch Anh ngữ, thí dụ bản dịch “*Discourse to*

the Kalamas” (Bài thuyết pháp của những người Kalamas) của Tỉ kheo Khanti Palo. Cũng có bản dịch mang đầu đề gọn “*Kalamas Sutta*” tức là Kinh Kalamas.

Còn bản dịch Việt văn của Hoà thượng Thích Minh Châu thì mang đầu đề: “Các vị ở Kesaputta”. Kesaputta là thị trấn nơi bộ tộc Kalamas cư trú, là nơi Đức Phật Thích Ca đến, được người Kalamas hỏi về căn cứ của lòng tin đạo chân chính (chánh tín), và Đức Phật đã thuyết pháp kinh này cho họ nghe.

Những người Kalamas chất vấn Đức Phật Thích Ca thuộc hạng người nào?

Có tài liệu nói họ thuộc dòng Sát Đế Li (Khastryas), tức dòng vương tước, dòng nhà tướng, vốn không chịu khuất phục trước âm mưu chiếm địa vị thống trị xã hội của dòng họ Bàlamôn. Cũng có tài liệu nói họ là những người trí thức, tức là những người có trí, có học.

Cả hai khả năng trên đều rất quan trọng. Rõ ràng là Đức Phật đã nói với họ

*. Nhà Nghiên cứu, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh.

như với những người trí thức. Vì từ đầu đến cuối bộ Kinh toát lên sự tôn trọng lí trí, tôn trọng tự do tư tưởng, tính lôgic chặt chẽ của lập luận.

Thời bấy giờ ở Ấn Độ có rất nhiều tôn giáo, nhiều triết phái, học thuyết. Và người theo tôn giáo, triết phái, học thuyết nào, cũng đều cho rằng tôn giáo, triết phái, học thuyết của mình là chân lí và bài bác, đả kích các tôn giáo, triết phái và học thuyết khác là sai lầm. Những người Kalamas ở thị trấn Kesaputta cũng được nghe nhiều giảng sư tán dương tôn giáo này, học thuyết này và bài bác tôn giáo kia, học thuyết kia, cho nên họ đâm ra hoang mang không biết đâu là phải, trái, đúng, sai. Họ đem sự hoài nghi, phân vân đó nói với Đức Phật, khi Ngài đến Kesaputta.

Đức Phật trả lời như thế nào? Ngài không bắt đầu từ chủ thuyết của mình, cũng không phê phán chủ thuyết của người khác. Nghĩa là thái độ của Đức Phật khác hẳn với thái độ của mọi giáo chủ và luận sư mà người Kalamas thường gặp. Trước tiên, Đức Phật khen người Kalamas hoài nghi và phân vân như vậy là đúng và Đức Phật giải thích rằng lòng tin chân chính không nên và không thể dựa trên 10 căn cứ sai lầm sau đây:

1. *Căn cứ Thần Khải* (revelation), thí dụ, tín đồ đạo Bàlamôn tin rằng, những điều ghi trong Kinh Veda là chân lí, vì rằng đó là những lời Thần Khải, những lời của Thần nói ra.

2. *Căn cứ truyền thống*, tin vào một điều được chấp nhận từ xưa, và được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác,

tức là tin vào truyền thống, nhưng truyền thống cũng có thể sai và không thể là căn cứ đảm bảo của niềm tin chân chính.

3. *Điều người ta kể lại*, dù đó là tu sĩ, cha mẹ, bà con thân thiết, cũng không phải là căn cứ đảm bảo của niềm tin chân chính.

4. *Điều hợp với kinh sách*, dù kinh sách đó là Thánh điển, thí dụ, Kinh Phật đối với Phật tử, Kinh Veda đối với tín đồ đạo Bàlamôn, Tân ước, Cựu ước đối với tín đồ đạo Kitô, v.v... cũng không phải là căn cứ đảm bảo của lòng chánh tín, bởi vì kinh sách chỉ là để hướng dẫn, tham khảo, chứ không phải để thay cho nhận thức và kiểm nghiệm cá nhân được.

5. *Lập luận đơn thuần*, siêu hình miên man, thường chỉ là lí luận suông, không phải là một cái nhìn vào chiều sâu chân lí, không phải là sự nắm bắt đối với thực tại.

6. *Những dữ kiện được xem xét hời hợt*, chỉ là những dữ kiện chết, không nói lên được gì hết, mặc dù chúng do thực tế cung cấp. Các dữ kiện phải được phân tích, tổng hợp như thế nào đó mới nói lên sự thực.

7. *Dựa trên một quan điểm* là một tiêu chuẩn không thể chấp nhận được, ngay ở Ấn Độ thời Đức Phật, khi mà, các cuộc tranh luận và hội thảo tôn giáo và triết học cũng thường xuyên và sôi động như là “các cuộc thi đấu bóng đá hiện nay vậy”. Trong những tranh luận và hội thảo như vậy, người nào cũng giữ riêng và bảo vệ quan điểm của mình, tất nhiên, nhưng không thể lấy quan điểm đó làm tiêu chuẩn để phân biệt phải trái, hơn thua.

8. *Dựa trên lí thuyết mình vốn chấp nhận*, cũng như dựa trên quan điểm của mình không thể là căn cứ đảm bảo của chánh tín.

9-10. *Dựa vào quyền uy*, hay là *dựa vào sự tôn trọng đối với thầy học của mình, đều không thể là những chứng cứ đảm bảo của chánh tín*. Vì trong các cuộc tranh luận và hội thảo về tôn giáo hay triết học, mỗi người tham gia đều có thầy của họ, đạo sư của họ, và quyền uy của thầy chỉ là chỗ dựa của họ. Nhưng đó là chỗ dựa tin cậy của riêng mình. Không phải là chỗ dựa tin cậy của người khác, đang tranh luận với mình.

Sau khi đã giới thiệu 10 căn cứ không đáng tin cậy của niềm tin chân chính, Đức Phật Thích Ca khuyến cáo những người Kalamas hãy nên tự biết mình, tự mình thấy, chứ không nên dựa vào quyền uy nào khác. Những điều gì là ác, là thiện, là trái, đều phải thông qua sự kiểm nghiệm của tự thân mình mới thấy rõ: nếu thực hiện những điều gì mà đem lại đau khổ, bất hạnh lâu dài cho mình và cho người khác thì đó là điều bất thiện, sai trái cần phải gạt bỏ đi; ngược lại, nếu thực hiện những điều gì đem lại hạnh phúc và an lạc lâu dài cho mình và cho những người khác, thì đó là những điều thiện, đúng đắn, cần phải duy trì và phát huy.

Tiếp đó Đức Phật trình bày các điều

bất thiện đều bắt nguồn từ tham, sân, si còn điều thiện là do lòng không tham, không sân, không si dẫn tới.

Để kết thúc bài thuyết pháp, Đức Phật khuyên tất cả các bậc đệ tử cao cả đã dứt bỏ được tham, sân, si hãy phát triển bốn đức tính vô lượng từ, bi, hỷ, xả gọi là bốn vô lượng tâm mà vị đệ tử cao cả có thể mãi mãi sống an lạc và hạnh phúc, ở ngay kiếp sống này cũng như các kiếp sống về sau.

Những bạn đọc nào muốn xem toàn văn bộ Kinh, có thể dùng bản dịch của Hoà thượng Thích Minh Châu ở Tăng Chi Bộ Kinh, tập I, tr. 212, bạn đọc cũng có thể kham khảo thêm bộ Kinh Bhaddiya trong Tăng Chi Bộ Kinh, tập II B in roneo, tr. 218, nội dung chủ yếu cũng giống Kinh Kalamas nhưng khác ở phần đầu và ở phần kết thúc.

Các bạn biết tiếng Pali và Anh ngữ cũng có thể tìm thấy bộ Kinh này trong “Anguttara Nikaya III, p. 65 (Bản dịch của “Pali text society”) “Gradual sayings I” the book of the Three, p. 170, một bản Anh ngữ khác là của The Buddhist publication Society (Hội xuất bản Phật giáo) trong tập san “The Wheel”, số 8 với đầu đề “*Kalamas Sutta, The Buddha’s Charter of free Inquiry*” (Kinh Kalamas, hiến chương tự do nghiên cứu tìm tòi của Đức Phật)./.